

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

a) Khái quát về dự án:

- Tên dự án: “Trang bị PTVC bưu chính cho các đơn vị năm 2024 - 2025”.

- Chủ đầu tư: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

- Nguồn vốn: Vốn Điều lệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025-2026;

- Địa điểm: Tại các Bưu điện tỉnh thành phố.

- Mục tiêu đầu tư:

+ Trang bị PTVC cho các đơn vị phục vụ vận chuyển trên các tuyến đường thư cấp 1, 2, 3, thu gom phát trả trên mạng lưới và logistics nhằm tăng cường năng lực vận chuyển, phát triển SXKD, đáp ứng yêu cầu lưu thoát bưu gửi trên toàn mạng lưới và thay thế phương tiện đã hết khấu hao, cũ hỏng, chi phí sửa chữa, tiêu hao nhiên liệu lớn, kém hiệu quả.

+ Đầu tư xe đường trục thay thế thuê xe xã hội cho Công ty Vận chuyển và Kho vận Bưu điện đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm trong việc sử dụng phương tiện vận chuyển.

b) Khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp và vận chuyển xe ô tô tải.

- Nội dung và quy mô đầu tư của gói thầu:

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày.

c) Phạm vi cung cấp hàng hóa.

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Loại phương tiện				
			1,0-1,4	1,6-2,2	3,0-3,5	4,5-6	7,0-7,8
	Tổng cộng	179	20	16	26	18	99
1	An Giang	3	0	0	2	1	0
2	Bắc Ninh	1	0	0	0	0	1
3	Cà Mau	3	0	1	2	0	0
4	Cao Bằng	1	1	0	0	0	0
5	Cần Thơ	2	0	1	1	0	0
6	Đà Nẵng	3	2	1	0	0	0
7	Đắk Lắk	2	0	0	2	0	0
8	Điện Biên	0	0	0	0	0	0
9	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0
10	Đồng Tháp	3	2	0	1	0	0
11	Gia Lai	4	2	1	1	0	0
12	Hà Nội	2	0	0	1	1	0
13	Hà Tĩnh	2	2	0	0	0	0
14	Hải Phòng	1	0	0	0	1	0

Handwritten mark

15	Hồ Chí Minh	5	2	0	2	1	0
16	Huế	0	0	0	0	0	0
17	Hưng Yên	3	0	0	1	2	0
18	Khánh Hoà	2	0	1	1	0	0
19	Lai Châu	0	0	0	0	0	0
20	Lạng Sơn	0	0	0	0	0	0
21	Lào Cai	1	0	0	0	1	0
22	Lâm Đồng	4	3	0	1	0	0
23	Ninh Bình	7	0	3	3	1	0
24	Nghệ An	0	0	0	0	0	0
25	Phú Thọ	4	1	0	1	2	0
26	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0
27	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0
28	Quảng Trị	3	2	0	1	0	0
29	Sơn La	2	1	0	1	0	0
30	Tây Ninh	2	1	0	1	0	0
31	Tuyên Quang	3	0	0	2	1	0
32	Thái Nguyên	2	0	1	0	1	0
33	Thanh Hoá	2	0	0	1	1	0
34	Vĩnh Long	1	0	0	1	0	0
35	Công ty Logistic	2	0	2	0	0	0
36	Công ty PHBCTW	1	1	0	0	0	0
37	Công ty VC&KVBD	108	0	5	0	5	98

Ghi chú: Phương tiện vận chuyển đã bao gồm thiết bị giám sát hành trình và phí dịch vụ GPS trong vòng 01 năm.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Xe thùng kín tải trọng 1.0 -1.5 tấn

Stt	Thông số	Tiêu chuẩn
I	Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
I.1	PHẦN XE CƠ SỞ (CABIN – CHASSIS)	
1	Khối lượng, kích thước	
a	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (kg)	3.500÷5.000
b	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)	1.000÷1500
c	Chiều dài cơ sở (mm)	2.600÷3.400
d	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥130
2	Động cơ	

a	Kiểu động cơ	Động cơ Diesel
b	Dung tích xi lanh (cc)	2400÷4100
c	Công suất cực đại (kW)	≥85
d	Mômen xoắn cực đại (N.m)	≥250
e	Hệ thống phun nhiên liệu	Phun nhiên liệu điện tử
f	Hệ thống nạp	Tăng áp, làm mát bằng chất lỏng hoặc khí nạp
3	Hộp số	Số sàn; 05 hoặc 6 số tiến + 1 số lùi
4	Dung tích bình nhiên liệu (lít)	≥65
5	Cabin	Cabin lật hoặc Cabin liền hoặc Cabin cố định trên thân xe
a	Số người cho phép chở	03 chỗ ngồi
b	Trang thiết bị	Có đủ: - Máy điều hoà nhiệt độ cabin; - Cổng USB/Radio; - Núm môi thuốc; - Hộc chứa dụng cụ 2 bên cửa; - Đèn pha Halogen; - Kính bấm điện, khóa cửa trung tâm; - Còi báo theo tiêu chuẩn hãng sản xuất. - Còi báo lùi; - Dây đai an toàn 3 điểm; - Khóa nắp thùng nhiên liệu;
6	Hệ thống lái	Tay lái trợ lực và điều chỉnh độ nghiêng cao thấp
7	Hệ thống phanh	Phanh trước: Đĩa hoặc tang trống thủy lực trợ lực chân không Phanh sau: tang trống thủy lực trợ lực chân không
8	Lốp xe	Lốp trước tối thiểu 7.00-15 hoặc 195/70R15 Lốp sau tối thiểu 145R13
9	Hệ thống điện	Bình điện: 01 bình 12V dung lượng tối thiểu 70 Ah
10	Phụ tùng và tài liệu kèm theo xe (Mỗi xe 01 bộ)	Có đủ: - 01 lốp dự phòng - 01 bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất. - 01 Quyển sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt
11	Năm sản xuất	2025-2026
12	Chất lượng xe	Mới 100%
I.2 PHÂN THÙNG XE		
1	Kiểu thùng xe	-Thùng kín ≥02 lớp - Cửa sau 02 cánh mở hết - 01 cửa hông rộng thông thủy ≥800 mm bên phải (phía lái phụ)

2	Dung tích bên trong thùng xe (m ³)	≥9
3	Kết cấu thùng xe	
a	Đà	<ul style="list-style-type: none"> - Đà dọc bằng thép U đúc 100mm, sơn tĩnh điện hoặc sơn 2k. - Đà ngang bằng thép U đúc 80mm, sơn tĩnh điện hoặc sơn 2k, khoảng cách tâm giữa các đà ≤ 600 mm. - Khung bao sàn: bằng tôn U hoặc thép dập định hình dày ≥2mm.
b	Sàn	Sàn hai lớp liên kết dạng hộp: Lớp trên là tôn phẳng dày ≥2,0 mm, lớp dưới tôn dập sóng dày ≥1,0 mm, sơn tĩnh điện hoặc sơn 2k.
c	Vách trong	Tole mạ phẳng các vách thùng dày ≥0,4mm; trần dày ≥0,4mm.
d	Vách ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Hai bên hông bằng tole dập sóng dày ≥0,5mm - Mặt trước bằng tole phẳng ≥0,5mm. - Nóc bằng tole phẳng dày ≥ 0,5mm.
e	Cách nhiệt	Lót xốp cách nhiệt 40mm tỷ trọng 14kg/m ³
f	Cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi cánh 01 bộ khóa - Các cửa hông và sau không có gờ chắn ở mép sàn nhưng có hèm cất nước - Cơ cấu cam khóa bằng kim loại đúc hoặc cam khóa inox, kiểu container, trụ xoay khóa bằng ống sắt và tay khóa bằng sắt, mỗi cánh cửa có 03 bản lề (kể cả cửa hông). - Ron (Gioăng) cửa cao su chống nước - Khung xương cửa bằng thép hộp mạ kẽm - Vách ngoài cửa bằng tole phẳng dày ≥0,5mm, vách trong cửa bằng tole phẳng dày ≥0,4mm
g	Khung xương thùng	<ul style="list-style-type: none"> - Khung xương thùng làm bằng thép hộp 40x40 x1,5 (mm) mạ kẽm bên trong và ngoài hộp, khoảng cách giữa các thanh từ 500 – 600 mm, tại các vị trí liên kết bằng mối hàn điện bị cháy lớp mạ có trám keo để chống gỉ - Tại các vị trí có khả năng thấm nước, các mối liên kết được dán bằng loại keo chuyên dụng dùng cho thép, tôn.
4	Cản hông và cản sau	Bằng thép hộp
5	Hệ thống đèn	<ul style="list-style-type: none"> -Đèn kích thước ngoài 02 cái phía trước + 02 cái phía sau - Đèn trần: 01 cái kiểu âm trần.
I.3	PHẦN SƠN XE	
	Màu sơn chi tiết sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Theo màu nhận diện thương hiệu VNPost - Sơn bên ngoài thùng: Sử dụng hệ thống sơn pha màu dùng cho ô tô loại sơn 2k phủ bóng, có thể chỉnh màu. Gồm các lớp:

		+ Lớp sơn lót: dùng sơn chuyên dụng trên bề mặt kim loại mạ kẽm, đảm bảo chống rỉ và tăng khả năng bám sơn; + Lớp sơn màu được chỉnh màu theo thương hiệu Bru điện Việt Nam, + Lớp sơn bóng bảo vệ có khả năng ngăn tia UV.
--	--	---

2.2. Xe thùng kín tải trọng 1.6 -2.2 tấn

Stt	Thông số	Tiêu chuẩn
I	Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
I.1	PHẦN XE CƠ SỞ (CABIN – CHASSIS)	
1	Khối lượng, kích thước	
a	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (kg)	4.500÷5.500
b	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)	1.600÷2.200
c	Chiều dài cơ sở (mm)	3.000÷3.500
d	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥165
2	Động cơ	
a	Kiểu động cơ	Động cơ Diesel
b	Dung tích xi lanh (cc)	2400÷4100
c	Công suất cực đại (kW)	≥87
d	Mômen xoắn cực đại (N.m)	≥250
e	Hệ thống phun nhiên liệu	Phun nhiên liệu điện tử
f	Hệ thống nạp	Tăng áp, làm mát bằng chất lỏng hoặc khí nạp
3	Hộp số	Số sàn; 05-06 số tiến, 1 số lùi
4	Dung tích bình nhiên liệu (lít)	≥65
5	Cabin	Cabin lật
a	Số người cho phép chở	03 chỗ ngồi
b	Trang thiết bị	Có đủ: - Máy điều hoà nhiệt độ cabin; - Cổng USB/Radio; - Nút mở thuốc; - Hộp chứa dụng cụ 2 bên cửa; - Đèn pha Halogen; - Kính bám điện, khóa cửa trung tâm; - Còi điện theo tiêu chuẩn nhà sản xuất; - Còi báo lùi; - Dây đai an toàn 3 điểm; - Khóa nắp thùng nhiên liệu;

6	Hệ thống lái	Tay lái trợ lực và điều chỉnh độ nghiêng cao thấp
7	Hệ thống phanh	Dạng trống hoặc đĩa, mạch kép thủy lực với bộ trợ lực chân không
8	Lốp xe	Lốp trước tối thiểu 6.50R16 Lốp sau tối thiểu 5.50R13
9	Hệ thống điện	Bình điện : 01 bình 12V dung lượng tối thiểu 80 Ah
10	Phụ tùng và tài liệu kèm theo xe (Mỗi xe 01 bộ)	Có đủ: - tối thiểu 01 lớp dự phòng - 01 bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất. - 01 Quyển sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt
11	Năm sản xuất	2025-2026
12	Chất lượng xe	Mới 100%
I.2	PHẦN THÙNG XE	
1	Kiểu thùng xe	-Thùng kín ≥ 02 lớp - Cửa sau 02 cánh mở hết - 01 cửa hông rộng thông thủy ≥ 800 mm bên phải (phía lái phụ)
2	Dung tích bên trong thùng xe (m ³)	≥ 13
3	Kết cấu thùng xe	
a	Đà	-Đà dọc bằng thép U đúc 100mm, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện - Đà ngang bằng thép U đúc 80mm, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện, khoảng cách tâm giữa các đà ≤ 600 mm - Khung bao sàn bằng thép dập định hình dày ≥ 2 mm hoặc tôn dập U dày ≥ 2 mm
b	Sàn	Sàn hai lớp liên kết dạng hộp: Lớp trên là tôn phẳng dày $\geq 2,0$ mm, lớp dưới tôn dập sóng dày $\geq 1,0$ mm, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện.
c	Vách trong	Tole mạ phẳng các vách thùng dày $\geq 0,4$ mm; trần dày $\geq 0,4$ mm.
d	Vách ngoài	- Hai bên hông bằng tole dập sóng dày $\geq 0,5$ mm - Mặt trước bằng tole phẳng $\geq 0,5$ mm - Nóc dập gân dạng container liên kết bằng phương pháp hàn hoặc nóc bằng tole phẳng dày $\geq 0,5$ mm.
e	Cách nhiệt	Xốp dày 40mm tỷ trọng 14kg/m ³
f	Cửa	- Mỗi cánh 01 bộ khóa - Các cửa hông và sau không có gờ chắn ở mép sàn nhưng có hèm cất nước - Cơ cấu cam khóa bằng kim loại đúc hoặc cam khóa inox, kiểu container, trụ xoay khóa bằng ống

		<p>sắt và tay khóa bằng sắt, mỗi cánh cửa có 03 bản lề (kể cả cửa hông).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ron (Gioăng) cửa cao su chống nước - Khung xương cửa bằng thép hộp mạ kẽm - Vách ngoài cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,5\text{mm}$, vách trong cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,4\text{mm}$
g	Khung xương thùng	<ul style="list-style-type: none"> - Khung xương thùng làm bằng thép hộp 40x40 x1,5 (mm) mạ kẽm bên trong và ngoài hộp, khoảng cách giữa các thanh từ 500 – 600 mm, tại các vị trí liên kết bằng mối hàn điện bị cháy lớp mạ có trám keo để chống gỉ - Tại các vị trí có khả năng thấm nước, các mối liên kết được dán bằng loại keo chuyên dụng dùng cho thép, tôn.
4	Cản hông và cản sau	Bằng thép hộp
5	Hệ thống đèn	<ul style="list-style-type: none"> - Đèn kích thước ngoài 02 cái phía trước + 02 cái phía sau - Đèn trần: 01 cái kiểu âm trần.
I.3	PHẦN SƠN XE	
	Màu sơn chi tiết sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Theo màu nhận diện thương hiệu VNPost - Sơn bên ngoài thùng: Sử dụng hệ thống sơn pha màu dùng cho ô tô loại sơn 2k phủ bóng, có thể chỉnh màu. Gồm các lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Lớp sơn lót: dùng sơn chuyên dụng trên bề mặt kim loại mạ kẽm, đảm bảo chống rỉ và tăng khả năng bám sơn; + Lớp sơn màu được chỉnh màu theo thương hiệu Bưu điện Việt Nam, + Lớp sơn bóng bảo vệ có khả năng ngăn tia UV.

2.3. Xe thùng kín tải trọng 3.0 -3.5 tấn

Stt	Thông số	Tiêu chuẩn
I	Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
I.1	PHẦN XE CƠ SỞ (CABIN – CHASSIS)	
1	Khối lượng, kích thước	
a	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (kg)	7.000÷7.500
b	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)	3.000÷3.500
c	Chiều dài cơ sở (mm)	3.700÷3.900
d	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 190
2	Động cơ	

a	Kiểu động cơ	Động cơ Diesel
b	Dung tích xi lanh (cc)	2800÷4100
c	Công suất cực đại (kW)	≥90
d	Mômen xoắn cực đại (N.m)	≥350
e	Hệ thống phun nhiên liệu	Phun nhiên liệu điện tử
f	Hệ thống nạp	Tăng áp, làm mát bằng chất lỏng hoặc khí nạp
3	Hộp số	Số sàn; 06 hoặc 05 số tiến, 1 số lùi
4	Dung tích bình nhiên liệu (lít)	≥95
5	Cabin	Cabin lật
a	Số người cho phép chở	03 chỗ ngồi
b	Trang thiết bị	Có đủ: <ul style="list-style-type: none"> - Máy điều hoà nhiệt độ cabin; - Cổng USB/Radio; - Nút môi thuốc; - Hộp chứa dụng cụ 2 bên cửa; - Đèn sương mù; - Đèn pha Halogen; - Kính bám điện, khóa cửa trung tâm; - Còi điện theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Còi báo lùi; - Dây đai an toàn 3 điểm; - Khóa nắp thùng nhiên liệu;
6	Hệ thống lái	Tay lái trợ lực và điều chỉnh độ nghiêng cao thấp
7	Hệ thống phanh	Dạng trống, mạch kép thủy lực với bộ trợ lực chân không
8	Lốp xe	Tối thiểu 7.00R16
9	Hệ thống điện	Bình điện : 02 bình 12V, dung lượng mỗi bình tối thiểu 70 Ah
10	Phụ tùng và tài liệu kèm theo xe (Mỗi xe 01 bộ)	Có đủ: <ul style="list-style-type: none"> - 01 lốp dự phòng - 01 bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất. - 01 Quyển sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt
11	Năm sản xuất	2025-2026
12	Chất lượng xe	Mới 100%
I.2 PHÀN THÙNG XE		
1	Kiểu thùng xe	-Thùng kín ≥02 lớp <ul style="list-style-type: none"> - Cửa sau 02 cánh mở hết - 01 cửa hông rộng thông thủy ≥800 mm bên phải (phía lái phụ)
2	Dung tích bên trong thùng xe (m ³)	≥19
3	Kết cấu thùng xe	

a	Đà	<ul style="list-style-type: none"> -Đà dọc bằng thép U đúc $\geq 100\text{mm}$, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện - Đà ngang bằng thép U đúc $\geq 80\text{mm}$, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện, khoảng cách tâm giữa các đà $\leq 600\text{mm}$ - Khung bao sàn bằng tôn dập dày hoặc tôn dập U $\geq 2\text{mm}$
b	Sàn	Sàn hai lớp liên kết dạng hộp: Lớp trên là tôn phẳng dày $\geq 2,0\text{mm}$, lớp dưới tôn dập sóng dày $\geq 1,0\text{mm}$, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện.
c	Vách trong	Tole mạ phẳng các vách thùng dày $\geq 0,4\text{mm}$; trần dày $\geq 0,4\text{mm}$.
d	Vách ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Hai bên hông bằng tole dập sóng dày $\geq 0,5\text{mm}$ - Mặt trước bằng tole phẳng $\geq 0,5\text{mm}$ - Nóc dập gân dạng container liên kết bằng phương pháp hàn hoặc nóc bằng tole phẳng dày $\geq 0,5\text{mm}$.
e	Cách nhiệt	Xốp dày 40mm tỷ trọng 14kg/m ³
f	Cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi cánh 01 bộ khóa - Các cửa hông và sau không có gờ chắn ở mép sàn nhưng có hèm cắt nước - Cơ cấu cam khóa bằng kim loại đúc hoặc cam khóa inox, kiểu container, trụ xoay khóa bằng ống sắt và tay khóa bằng sắt, mỗi cánh cửa có 03 bản lề (kể cả cửa hông). - Ron (Gioăng) cửa cao su chống nước - Khung xương cửa bằng thép hộp mạ kẽm - Vách ngoài cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,5\text{mm}$, vách trong cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,4\text{mm}$
g	Khung xương thùng	<ul style="list-style-type: none"> - Khung xương thùng làm bằng thép hộp 40x40 x1,5 (mm) mạ kẽm bên trong và ngoài hộp, khoảng cách giữa các thanh từ 500 – 600 mm, tại các vị trí liên kết bằng mối hàn điện bị cháy lớp mạ có trám keo để chống gỉ - Tại các vị trí có khả năng thấm nước, các mối liên kết được dán bằng loại keo chuyên dụng dùng cho thép, tôn.
4	Cản hông và cản sau	Bằng thép hộp
5	Hệ thống đèn	<ul style="list-style-type: none"> -Đèn kích thước ngoài 02 cái phía trước + 02 cái phía sau - Đèn trần: 01 cái kiểu âm trần.
6	Hệ thống ray rack, thanh chắn, dây đai	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống thanh rack đai, chắn cố định xe đẩy lồng lưới. Vật liệu thép tấm 3,0mm gia công đột lỗ kích thước theo tiêu chuẩn, sơn 2k (2 thành phần) hoặc sơn tĩnh điện và sơn phủ màu xám. Mỗi bên hông vách thùng có 2 hàng.

		<p>- Thanh chắn hàng: thân chính thép hộp 40 x 80 (mm) nhúng kẽm nóng, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện và sơn hoàn thiện màu vàng VNPost; 2 đầu cài bằng thép không rỉ. Mỗi xe trang bị 01 thanh, trọng lượng mỗi thanh bao gồm cả đầu cài: 6-7 kg.</p> <p>- Dây đai: có tay siết và 2 đầu cài vào rack, chiều dài 5m. Số lượng: 01 sợi/xe.</p>
I.3	PHẦN SƠN XE	
	Màu sơn chi tiết sơn	<p>- Theo màu nhận diện thương hiệu VNPost</p> <p>- Sơn bên ngoài thùng: Sử dụng hệ thống sơn pha màu dùng cho ô tô loại sơn 2k phủ bóng, có thể chỉnh màu. Gồm các lớp:</p> <p>+ Lớp sơn lót: dùng sơn chuyên dụng trên bề mặt kim loại mạ kẽm, đảm bảo chống rỉ và tăng khả năng bám sơn;</p> <p>+ Lớp sơn màu được chỉnh màu theo thương hiệu Bưu điện Việt Nam,</p> <p>+ Lớp sơn bóng bảo vệ có khả năng ngăn tia UV.</p>

2.4. Xe thùng kín tải trọng 4.5 -6 tấn

Stt	Thông số	Tiêu chuẩn
I	Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
I.1	PHẦN XE CƠ SỞ (CABIN – CHASSIS)	
1	Khối lượng, kích thước	
a	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (kg)	9.500÷10.700
b	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)	5.000÷6.200
c	Chiều dài cơ sở (mm)	3.700÷4.600
d	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥210
2	Động cơ	
a	Kiểu động cơ	Động cơ Diesel
b	Dung tích xi lanh (cc)	3.900÷5.500
c	Công suất cực đại (kW)	≥110
d	Mômen xoắn cực đại (N.m)	≥410
e	Hệ thống phun nhiên liệu	Hệ thống phun nhiên liệu điện tử
f	Hệ thống nạp	Tăng áp, làm mát bằng chất lỏng hoặc khí nạp
3	Hộp số	Số sàn; 06 hoặc 05 số tiến + 1 số lùi
4	Dung tích bình nhiên liệu (lít)	≥95

5	Cabin	Cabin lật
a	Số người cho phép chở	03 chỗ ngồi
b	Trang thiết bị	<p>Có đủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy điều hoà nhiệt độ cabin; - Cổng USB/Radio; - Núm môi thuốc; - Hộc chứa dụng cụ 2 bên cửa; - Đèn sương mù; - Đèn pha Halogen; - Kính bám điện, khóa cửa trung tâm; - Còi điện theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Còi báo lùi; - Dây đai an toàn 3 điểm; - Khóa nắp thùng nhiên liệu;
6	Hệ thống lái	Tay lái trợ lực và điều chỉnh độ nghiêng cao thấp
7	Hệ thống phanh	Dạng trống, mạch kép thủy lực với bộ trợ lực chân không
8	Lốp xe	Tối thiểu 8.25-16
9	Hệ thống điện	- Bình điện : 02 bình 12V, dung lượng mỗi bình tối thiểu 70 Ah
10	Phụ tùng và tài liệu kèm theo xe (Mỗi xe 01 bộ)	<p>Có đủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 lốp dự phòng - 01 bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất. - 01 Quyển sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt
11	Năm sản xuất	2025-2026
12	Chất lượng xe	Mới 100%
I.2	PHẦN THÙNG XE	
1	Kiểu thùng xe	<ul style="list-style-type: none"> -Thùng kín 02 lớp - Cửa sau 02 cánh mở hết - 01 cửa hông rộng thông thủy ≥ 950 mm bên phải (phía lái phụ)
2	Dung tích bên trong thùng xe (m ³)	≥ 21
3	Kết cấu thùng xe	
a	Đà	<ul style="list-style-type: none"> -Đà dọc bằng thép U đúc 100mm, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện - Đà ngang bằng thép U đúc 80mm, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện, khoảng cách tâm giữa các đà ≤ 600 mm - Khung bao sàn bằng tôn dập U dày ≥ 2mm
b	Sàn	Sàn hai lớp liên kết dạng hộp: Lớp trên là tôn phẳng dày $\geq 2,0$ mm, lớp dưới tôn dập sóng dày 1,0 mm, sơn 2k hoặc sơn tĩnh điện.
c	Vách trong	Tole mạ phẳng các vách thùng dày $\geq 0,4$ mm; trần dày $\geq 0,4$ mm.
d	Vách ngoài	- Hai bên hông bằng tole dập sóng dày $\geq 0,5$ mm

		<ul style="list-style-type: none"> - Mặt trước bằng tole phẳng $\geq 0,5\text{mm}$ - Nóc đập gân dạng container liên kết bằng phương pháp hàn hoặc nóc bằng tole phẳng dày $\geq 0,5\text{mm}$.
e	Cách nhiệt	Xốp dày 40mm tỷ trọng 14kg/m ³
f	Cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi cánh 01 bộ khóa - Các cửa hông và sau không có gờ chắn ở mép sàn nhưng có hèm cắt nước - Cơ cấu cam khóa bằng kim loại đúc hoặc cam khóa bằng inox, trụ xoay khóa bằng ống sắt và tay khóa bằng sắt, mỗi cánh cửa có 04 bản lề (kể cả cửa hông). - Ron (Gioăng) cửa cao su chống nước - Khung xương cửa bằng thép hộp mạ kẽm - Vách ngoài cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,5\text{mm}$, vách trong cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,4\text{mm}$
g	Khung xương thùng	<ul style="list-style-type: none"> - Khung xương thùng làm bằng thép hộp 40x40 x1,5 (mm) mạ kẽm bên trong và ngoài hộp, khoảng cách giữa các thanh từ 500 – 600 mm, tại các vị trí liên kết bằng mối hàn điện bị cháy lớp mạ có sơn để chống gỉ - Tại các vị trí có khả năng thấm nước, các mối liên kết được dán bằng loại keo chuyên dụng dùng cho thép, tôn.
4	Cản hông và cản sau	Bảng thép hộp
5	Hệ thống đèn	<ul style="list-style-type: none"> - Đèn kích thước ngoài 02 cái phía trước + 02 cái phía sau - Đèn trần: 01 cái kiểu âm trần.
6	Hệ thống ray rack, thanh chắn, dây đai	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống thanh rack đai, chấn cố định xe đầy lồng lưới. Vật liệu thép tấm 3,0mm gia công đột lỗ kích thước theo tiêu chuẩn, sơn tĩnh điện hoặc sơn 2k và sơn phủ màu xám. Mỗi bên hông vách thùng có 2 hàng. - Thanh chắn hàng: thân chính thép hộp 40 x 80 (mm) nhúng kẽm nóng, sơn tĩnh điện hoặc sơn 2k và sơn hoàn thiện màu vàng VNPost; 2 đầu cài bằng thép không rỉ. Mỗi xe trang bị 01 thanh, trọng lượng mỗi thanh bao gồm cả đầu cài: 6-7 kg. - Dây đai: có tay siết và 2 đầu cài vào rack, chiều dài 5m. Số lượng: 01 sợi/xe.
7	Thiết bị nâng hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu: thủy lực, cánh tay đòn - Sức nâng lớn nhất: 500 kg, trọng tâm cách mép trong bàn nâng 400 mm. - Xi-lanh nâng hạ: Số lượng: 02 cái, đường kính piston 80 mm. - Xi-lanh đóng mở: Số lượng: 02 cái, đường kính piston 63 mm.

		<ul style="list-style-type: none"> - Van điện thủy lực: Số lượng: 01 cái cho nâng hạ, 01 cái cho đóng mở, Kiểu: van điện - thủy lực. - Bom thủy lực: Kiểu: bơm dẫn động bằng motor điện 24V; áp suất lớn nhất: 250 bar, áp suất làm việc: 120 bar. - Điều khiển: Nâng hạ, đóng - mở: Nút bấm điện, dây điều khiển dài $\geq 2,0$ m. - Bàn nâng hàng: Kích thước sâu ≥ 1.250 mm, bao gồm cả đoạn dốc; vật liệu khung: tôn chân hình, độ dày $2,0 \div 3,0$ mm; Vật liệu mặt bàn nâng: tôn lá me dày $\geq 3,0$ mm; chiều rộng bàn nâng phù hợp với chiều rộng thùng xe.
I.3	PHẦN SƠN XE	
	Màu sơn chi tiết sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Theo màu nhận diện thương hiệu VNPost - Sơn bên ngoài thùng: Sử dụng hệ thống sơn pha màu dùng cho ô tô loại sơn 2k phủ bóng, có thể chỉnh màu. Gồm các lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Lớp sơn lót: dùng sơn chuyên dụng trên bề mặt kim loại mạ kẽm, đảm bảo chống rỉ và tăng khả năng bám sơn; + Lớp sơn màu được chỉnh màu theo thương hiệu Bưu điện Việt Nam, + Lớp sơn bóng bảo vệ có khả năng ngăn tia UV.

2.5. Xe tải thùng kín tải trọng 7.0-7.8 tấn

Stt	Thông số	Tiêu chuẩn
I	Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	
I.1	PHẦN XE CƠ SỞ (CABIN – CHASSIS)	
1	Khối lượng, kích thước	
a	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (kg)	15.000÷16.000
b	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)	≥ 7.000
c	Chiều dài cơ sở (mm)	6.900÷7.100
d	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 250
2	Động cơ	
a	Kiểu động cơ	Động cơ Diesel
b	Dung tích xi lanh (cc)	7.600÷8.000
c	Công suất cực đại (kW)	≥ 170
d	Mômen xoắn cực đại (N.m)	≥ 700
e	Hệ thống phun nhiên liệu	Commonrail, điều khiển điện tử
f	Hệ thống nạp	Tăng áp, làm mát khí nạp
3	Hộp số	Số sàn; 06 số tiến 1 số lùi
4	Dung tích bình nhiên liệu (lít)	≥ 195
5	Cabin	Cabin lật

a	Số người cho phép chở	03 chỗ ngồi
b	Trang thiết bị	Có đủ: - Máy điều hoà nhiệt độ cabin; - Cổng USB/Radio; - Nút mở thuốc; - Hộc chứa dụng cụ 2 bên cửa; - Đèn sương mù; - Đèn pha Halogen; - Kính bấm điện, khóa cửa trung tâm; - Còi báo - Còi báo lùi; - Dây đai an toàn 3 điểm; - Khóa nắp thùng nhiên liệu;
6	Hệ thống lái	Loại Trục vít êcubi, Cơ khí, Trợ lực thủy lực
7	Hệ thống phanh	Khí nén, 2 dòng
8	Lốp xe	Tối thiểu 11.00R20
9	Hệ thống điện	- Bình điện : 02 bình 12V, dung lượng mỗi bình tối thiểu 70 Ah
10	Phụ tùng và tài liệu kèm theo xe (Mỗi xe 01 bộ)	Có đủ: - 01 lốp dự phòng - 01 bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất. - 01 Quyển sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt
11	Năm sản xuất	2025-2026
12	Chất lượng xe	Mới 100%
I.2	PHẦN THÙNG XE	
1	Kiểu thùng xe	-Thùng kín ≥ 02 lớp - Cửa sau 02 cánh mở hết - 02 cửa hông rộng thông thủy ≥ 1000 mm bên phải (phía lái phụ)
2	Dung tích bên trong thùng xe (m ³)	≥ 55
3	Kết cấu thùng xe	
a	Đà	Đà dọc bằng thép U đúc 120mm, sơn tĩnh điện hoặc sơn 2k - Đà ngang bằng thép U đúc 100mm, sơn tĩnh điện hoặc sơn 2k, khoảng cách tâm giữa các đà ≤ 600 mm - Khung bao sàn bằng tôn dập U dày ≥ 2 mm
b	Sàn	Sàn hai lớp liên kết dạng hộp: lớp trên là tôn phẳng dày $\geq 2,0$ mm, lớp dưới tôn dập sóng 1,0 mm, sơn tĩnh điện
c	Vách trong	Tole mạ phẳng các vách thùng dày $\geq 0,4$ mm; trần dày $\geq 0,4$ mm

d	Vách ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Hai bên hông bằng tole dập sóng dày $\geq 0,5$ mm - Mặt trước bằng tole phẳng $\geq 0,5$mm - Nóc bằng tole phẳng dày $\geq 0,5$mm.
e	Cách nhiệt	Xốp dày 40mm tỷ trọng 14kg/m ³
f	Cửa	<p>Mỗi cánh 01 bộ khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cửa hông và sau không có gờ chắn ở mép sàn - Cơ cấu cam khóa bằng kim loại đúc, kiểu container, trụ xoay khóa bằng ống sắt và tay khóa bằng sắt, mỗi cánh cửa có 03 bản lề (kể cả cửa hông). - Ron (Gioăng) cửa cao su chống nước - Khung xương cửa bằng thép hộp mạ kẽm - Vách ngoài cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,5$mm, vách trong cửa bằng tole phẳng dày $\geq 0,4$mm
g	Khung xương thùng	<p>Khung xương thùng làm bằng thép hộp 40x40 x1,5 (mm) mạ kẽm bên trong và ngoài hộp, khoảng cách giữa các thanh từ 500 – 600 mm, tại các vị trí liên kết bằng mối hàn điện bị cháy lớp mạ có trám Tại các vị trí có khả năng thấm nước, các mối liên kết được dán bằng loại keo chuyên dụng dùng cho thép, tôn keo chống gỉ</p>
4	Cản hông và cản sau	Bảng thép hộp
5	Hệ thống đèn	<ul style="list-style-type: none"> - Đèn kích thước ngoài 02 cái phía trước + 02 cái phía sau - Đèn trần: 02 cái kiểu âm trần.
6	Hệ thống ray rack, thanh chắn, dây đai	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống thanh rack đai, chắn cố định xe đầy lồng lưới. Vật liệu thép tấm 3,0mm gia công đột lỗ kích thước theo tiêu chuẩn, sơn tĩnh điện và sơn phủ màu xám. Mỗi bên hông vách thùng có 2 hàng. - Thanh chắn hàng: thân chính thép hộp 40 x 80 (mm) nhúng kẽm nóng, sơn tĩnh điện và sơn hoàn thiện màu vàng VNPost; 2 đầu cài bằng thép không rỉ. Mỗi xe trang bị 01 thanh, trọng lượng mỗi thanh bao gồm cả đầu cài: 6-7 kg. - Dây đai: có tay siết và 2 đầu cài vào rack, chiều dài 5m. Số lượng: 01 sợi/xه.
I.3	PHẦN SƠN XE	

	Màu sơn chi tiết sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Theo màu nhận diện thương hiệu VNPost - Sơn bên ngoài thùng: Sử dụng hệ thống sơn pha màu dùng cho ô tô loại sơn 2k phủ bóng, có thể chỉnh màu. Gồm các lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Lớp sơn lót: dùng sơn chuyên dụng trên bề mặt kim loại mạ kẽm, đảm bảo chống rỉ và tăng khả năng bám sơn; + Lớp sơn màu được chỉnh màu theo thương hiệu Bưu điện Việt Nam, + Lớp sơn bóng bảo vệ có khả năng ngăn tia UV.
--	----------------------	---

2.3. Thiết bị giám sát hành trình (GPS).

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương
1	Yêu cầu chung	<p>Thiết bị giám sát hành trình phải được chứng nhận hợp quy, đáp ứng các yêu cầu về tính năng, kỹ thuật và an toàn dữ liệu theo quy định tại QCVN 06:2024/BCA (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị Giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe)</p>
2	Khả năng đáp ứng các chức năng của phần mềm theo yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Trả dữ liệu vị trí xe và các thông tin cơ bản quản lý xe để tích hợp vào phần mềm TMS của VNPost bằng giao thức API - Sử dụng bản đồ số nền tảng Việt Nam có bản quyền tích hợp dữ liệu 34 Tỉnh, Thành phố. - Báo cáo hành trình thể hiện chi tiết thông tin chuyến xe, thời gian bị chậm chuyến, số chuyến bị chậm - Báo cáo quá tốc độ theo cung đường, theo loại xe, dữ liệu cập nhật thường xuyên trung bình 1 tháng/lần - Cho phép định nghĩa điểm giao nhận theo tọa độ - Công cụ sao lưu dữ liệu hệ thống và sao lưu dữ liệu các xe (tối thiểu 1 năm, dữ liệu phát sinh được sao lưu dự phòng ra file và được download tự động về Server) - Giám sát nhiều xe hoặc nhiều khu vực đồng thời, giám sát lộ trình (có tính năng mô phỏng lộ trình) - Hiện thị toàn bộ tuyến đường thư : liên tỉnh cấp 1, cấp 2, cấp 3, thu gom - Hiện thị về cự ly (Km) từng tuyến đường thư theo: lượt đi, lượt về - Hiện thị toàn bộ thông tin về các bưu cục giao nhận trên tuyến đường thư: Tên bưu cục, mã bưu cục, cấp bưu cục - Nhà thầu sẵn sàng có phương án thử nghiệm phần mềm (POC) khi bên mời thầu yêu cầu để chứng minh đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của phần mềm, phải đảm bảo đồng bộ và sẵn sàng tích hợp với các hệ thống quản lý phương tiện vận tải Bưu chính mà Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đang sử

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương
		<p>dụng.</p> <p><i>Chi tiết như sau:</i></p> <p>I/ Các tiêu chí đáp ứng về mặt quản lý của phần mềm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo, thống kê hành trình đường thư theo thông tin: tên đường thư; cấp đường thư (cấp 1, cấp 2, cấp 3, thu gom-có khai báo); cự ly Km (lượt đi, lượt về); hình thức vận chuyển (CN, XH, tàu hỏa, khác); bưu cục giao nhận (tên bưu cục, mã bưu cục, cấp bưu cục); hành trình quy định (giờ đến, thời gian giao nhận, giờ đi); hành trình thực hiện (giờ đến, thời gian giao nhận, giờ đi); độ trễ (giờ đến, thời gian giao nhận, giờ đi) 2. Báo cáo thống kê tổng hợp các hành trình đường thư từng tháng theo thông tin: tên đường thư; cấp đường thư (cấp 1, cấp 2, cấp 3, thu gom - có khai báo); cự ly Km (lượt đi, lượt về); hình thức vận chuyển (CN, XH, tàu hỏa, khác); bưu cục giao nhận (tên bưu cục, mã bưu cục, cấp bưu cục); hành trình quy định (giờ đến, thời gian giao nhận, giờ đi); hành trình thực hiện (giờ đến, thời gian giao nhận, giờ đi); độ trễ (giờ đến, thời gian giao nhận, giờ đi) 3. Báo cáo thống kê sản lượng túi gói theo từng hành trình đường thư theo từng khoảng thời gian (từ ngày đến ngày) 4. Báo cáo thống kê sản lượng túi gói theo từng xe thư theo từng khoảng thời gian (từ ngày đến ngày) 5. Báo cáo thống kê sản lượng túi gói theo từng bưu cục giao nhận theo từng khoảng thời gian (từ ngày đến ngày) 6. Báo cáo thống kê về độ trễ (sớm hơn quy định, trễ trong khoảng cho phép, trễ quá mức cho phép) theo từng xe thư, theo từng hành trình đường thư. 7. Có 4 mẫu Báo cáo để báo cáo hành trình chậm. Mỗi biểu mẫu là thêm/bớt cột thông tin khi chọn chuyển thư chậm hành trình hoặc đối tượng là những xe đi, về chậm so với thời gian quy định 8. Báo cáo điều xe của tất cả các đường thư: chọn 1 hoặc nhiều đường thư để xuất thống kê. 9. Báo cáo mất tín hiệu GPS thống kê tất cả các xe thư (PTVC) từ ngày đến ngày để phục vụ công tác điều hành: <i>xe không chạy (tắt máy) hoặc hỏng GPS (hợp đồng duy trì dịch vụ có chấm điểm xử lý trong 1 -> 7 ngày)</i> 10. Báo cáo số km tăng giảm theo phương tiện thống kê tất cả các Biển số xe với 2 cột so sánh: <i>Số Km theo hành trình (mặc định theo đường thư) và Số Km thực tế (theo dữ liệu GPS phân cứng)</i> <p>II/ Các chức năng chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giám sát xe thư <ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị vị trí và thông số của xe trên tuyến đường thư: biển số xe, tải trọng, đơn vị quản lý, số sim, vận tốc hiện tại, vị trí, tọa độ (kinh độ, vĩ độ), tài xế, bằng lái, hộ tổng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương
		<p>viên,Trạng thái xe (nổ máy ,tắt máy, đóng cửa,mở cửa), số chuyến thư thứ mấy trong ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị hành trình thực tế của xe chạy. - Hiện thị thông tin chi tiết của một xe - Xem lại lộ trình đã đi của xe thư, và lộ trình hiện tại <p>2. Giám sát nhiều xe thư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng cho phép giám sát nhiều xe thư cùng một lúc, được hiển thị trực quan trên bản đồ số. - Thời gian lái xe liên tục (quy định TCĐB: không lái 4 giờ liên tục) - Tổng hợp theo xe - Tổng hợp theo lái xe - Tổng hợp quá tốc độ giới hạn - Báo cáo, thống kê quãng đường và nhiên liệu, thời gian sử dụng xe, thống kê dừng xe tắt máy và không tắt máy, thống kê thời gian ra vào khu vực/trạm/đại lý/khách hàng, thống kê số lần xe vượt quá tốc độ cho phép, thống kê số lần qua trạm thu phí (từ ngày đến ngày) - Báo cáo, thống kê lịch bảo trì và lịch sử bảo trì xe (từ ngày đến ngày) - Báo cáo tổng hợp thông tin về số thiết bị hoạt động bình thường, thiết bị mất tín hiệu quá 24 giờ trong vòng 30 ngày <p>3. Quản lý người dùng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp/hủy người sử dụng, phân quyền, đổi mật khẩu. Hệ thống cho phép tích hợp Single Sign On theo user của hệ thống email của Tổng công ty (email vnpost.vn). - Phân quyền quản lý, theo dõi, giám sát xe thư. Đơn vị được giao quản lý phương tiện vận chuyển có quyền theo dõi, giám sát và quản lý các phương tiện trên hệ thống GPS. Đơn vị không được giao quản lý phương tiện vận chuyển chỉ được phép theo dõi các phương tiện vận chuyển có giao nhận túi gói với các bưu cục trong phạm vi quản lý của đơn vị trên hệ thống GPS. - Phân quyền quản lý, theo dõi giám sát theo từng xe thư, theo từng tuyến đường thư. <p>III/ Các dữ liệu liên quan quản lý nghiệp vụ của Bru điện Việt Nam</p> <p>1. Giám sát đường thư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng này cho phép người dùng xem thông tin trực tuyến các hành trình đường thư đang hoạt động, các thông tin đường thư bao gồm: Mã hành trình, tên hành trình, BC xuất phát. - Trên mỗi hành trình người dùng có thể xem danh sách các xe thư đang hoạt động, sản lượng xe thư đang vận chuyển, danh sách các bưu cục lượt đi, lượt về. Lộ trình lượt đi, lộ trình lượt về.

A

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị hành trình tuyến đường thư quy định: thời gian đi, thời gian giao nhận, thời gian đến theo hành trình đường thư theo từng chặng, toàn bộ hành trình . - Cảnh báo về độ trễ (hiện thị màu xanh khi xe có hành trình sớm hơn quy định; hiện thị màu vàng khi xe có hành trình trễ trong khoảng thời gian cho phép; Hiện thị màu đỏ khi xe có hành trình vượt quá độ trễ cho phép). Cho phép các Bưu cục giao nhận nắm được thông tin về độ trễ nêu trên để điều chỉnh thời gian thực hiện phù hợp. <p>2. Quản lý bưu cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem thông tin tất cả các BC trên một hành trình đường thư. Bao gồm mã bưu cục, cấp BC, địa chỉ, giờ Vào, Ra quy định - Các thông tin BC bao gồm: Tên BC, mã BC, Cấp BC, Địa chỉ BC. Hình ảnh của các BC sẽ được hiển thị trên bản đồ trực tuyến theo tọa độ được cung cấp bởi VNPost. <p>3. Quản lý sản lượng túi gói</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dữ liệu này phải được tất cả các tỉnh gán bản kê BĐ10 theo đúng biển số xe chạy thực tế khi giao nhận</i> - Thống kê sản lượng túi gói theo từng hành trình đường thư theo từng khoảng thời gian (từ ngày đến ngày) - Thống kê sản lượng túi gói theo từng xe thư theo từng khoảng thời gian (từ ngày đến ngày) - Thống kê sản lượng túi gói theo từng bưu cục giao nhận theo từng khoảng thời gian (từ ngày đến ngày) <p>4. Dữ liệu bản đồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ nền phải có nguồn gốc và bản quyền rõ ràng, độ chính xác cao, cập nhật thường xuyên. Ngôn ngữ là tiếng Việt chuẩn Unicode dựng sẵn - Bản đồ có đủ dữ liệu của 34 tỉnh, thành phố, chi tiết đến ngõ/hẻm tại các đường thành phố; đầy đủ quốc lộ, tỉnh lộ, các đường liên xã; có đường biên giới, đường biên vùng, đường biên tỉnh thành, quận huyện, phường xã. - Cho phép thêm các địa điểm cụ thể theo tọa độ trên bản đồ để phục vụ công tác giám sát, quản lý như bưu cục, trạm dừng, trạm thu phí, các điểm mốc...

Sau khi đưa ô tô tải được trang bị thiết bị giám sát hành trình vào sử dụng, dịch vụ quản lý, giám sát các xe trên cần được tích hợp với hệ thống giám sát phương tiện vận tải bưu chính cho các Bưu điện tỉnh thành phố đang được Tổng công ty Bưu điện Việt Nam sử dụng.

3. Các yêu cầu khác

a. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì:

- Thời gian bảo hành đối với xe cơ sở (xe sát xi) thiết bị yêu cầu tối thiểu là 3 năm hoặc 100.000km tùy theo điều kiện nào đến trước.

A-

- Thời gian bảo hành đối với thùng xe: tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao xe.

- Trường hợp xe không có sổ (phiếu) bảo hành của nhà sản xuất, Nhà thầu phải nộp bảo đảm bảo hành bằng giấy bảo đảm do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Giá trị bảo đảm bảo hành bằng 5% (2-3%) giá trị hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến sau 15 ngày khi hết thời hạn bảo hành cuối cùng của hàng hóa.

- Địa điểm bảo hành:

+ Đối với phần xe cơ sở (cabin + sát xi): Địa điểm bảo hành là các Trung tâm bảo hành uỷ quyền của hãng sản xuất trên phạm vi toàn quốc, tối thiểu phải có các Trung tâm bảo hành uỷ quyền của hãng sản xuất tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh.

+ Đối với thùng xe: Tối thiểu phải có các điểm bảo hành bảo trì tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh. Các điểm bảo hành là cơ sở đã sản xuất thùng xe hoặc các cơ sở bảo hành bảo trì có hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hành bảo trì thùng xe với nhà thầu.

- Tiêu chuẩn, qui trình bảo hành: Xe phải được bảo hành theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất xe sát xi và cơ sở sản xuất thùng

- Cam kết bảo trì: Nhà thầu phải cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì khi đơn vị sử dụng xe có yêu cầu.

b. Qui trình nghiệm thu, bàn giao xe:

Nghiệm thu xe mẫu:

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực Nhà thầu phải cung cấp bản vẽ thiết kế chi tiết chính xác thùng xe để Chủ đầu tư thiết kế mẫu sơn theo nhận diện thương hiệu Bưu điện Việt Nam.

Nhà thầu phải lập kế hoạch cụ thể về nghiệm thu xe mẫu, nghiệm thu bàn giao xe và thông báo cho Chủ đầu tư tối thiểu 05 ngày trước ngày thực hiện.

Hai bên tiến hành nghiệm thu xe mẫu (thùng xe trước khi sơn và xe ô tô được sơn hoàn thiện theo thiết kế sơn xe chi tiết đã được Chủ đầu tư chấp thuận) tại địa điểm của nhà sản xuất hoặc đại lý cung cấp trước khi sản xuất hàng loạt.

Vận chuyển, nghiệm thu bàn giao xe:

Hai bên tiến hành kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật xe ô tô trước khi bàn giao tới các đơn vị.

Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển toàn bộ các xe ô tô (có thể bằng phương pháp tự hành) từ cơ sở sản xuất của Nhà thầu đến địa điểm để bàn giao cho các Bưu điện tỉnh/Thành phố và các đơn vị trực thuộc. Số lượng xe phân bổ cho các Bưu điện tỉnh/Thành phố và các đơn vị trực thuộc chi tiết theo danh sách tại điểm c, Mục 1,

chương V.

Nhà thầu thực hiện nghiệm thu bàn giao xe tại các Bureau điện tỉnh/Thành phố và các đơn vị trực thuộc trước khi nghiệm thu tổng thể hợp đồng. Khi nghiệm thu bàn giao xe cho đơn vị, yêu cầu Nhà thầu chụp ảnh hiện trạng xe bàn giao kẹp vào biên bản bàn giao.

- Chủ đầu tư cung cấp các thông tin theo yêu cầu của nhà thầu để hoàn thiện bộ tài liệu, chứng từ đi kèm theo xe: tên đơn vị, địa chỉ, mã số thuế, Tài khoản ngân hàng (theo giấy đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc quyết định thành lập).

- Trong quá trình chủ đầu tư làm các thủ tục đăng ký lưu hành xe, nhà thầu cam kết hỗ trợ chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện các văn bản, tài liệu còn thiếu (nếu có) theo quy định liên quan phương tiện do nhà thầu cung cấp.

c. Yêu cầu về tạm ứng, thanh toán:

Nhà thầu phải cam kết đáp ứng đúng theo điều kiện tạm ứng và thanh toán hợp đồng như quy định tại Mục E-ĐKC 13.1, E-ĐKC 14.2 Chương VII. Trong đó, nhà thầu được đề nghị mức giá trị tạm ứng và thanh toán để thực hiện hợp đồng nhưng không vượt mức tạm ứng và thanh toán tối đa được quy định tại E-ĐKC 13.1, E-ĐKC 14.2 Chương VII.

d. Cam kết cung cấp các giấy tờ liên quan:

Có cam kết xe ô tô có đầy đủ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Giấy chứng nhận của Cục đăng kiểm khi bàn giao xe.

Nhà thầu phải cam kết:

Khi kiểm tra, giao xe sẽ bàn giao cho chủ đầu tư các tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, các tài liệu kỹ thuật và giấy tờ liên quan đến hàng hóa cung cấp theo quy định của nhà nước để đăng ký và lưu hành xe.

Khi thanh toán sẽ bàn giao cho chủ đầu tư bộ chứng từ thanh toán hợp pháp theo quy định của hợp đồng.

Danh mục tài liệu, chứng từ hai bên sẽ liệt kê chi tiết khi hoàn thiện hợp đồng theo cam kết của nhà thầu.

Số lượng hồ sơ bàn giao chứng từ 01 bộ gốc và 04 bộ sao y hoặc công chứng của nhà nước.

4. Bản vẽ

E-HSMT này gồm 01 bản vẽ để nhà thầu tham khảo về phương án sơn nhận diện thương hiệu trên xe tại Phụ lục kèm theo.

Phần 4. PHỤ LỤC BẢN VẼ PHƯƠNG ÁN SƠN NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU

(tham khảo)

Ghi chú: Thiết kế nhận diện thương hiệu chi tiết của từng xe sẽ được cung cấp sau khi hai bên ký hợp đồng.

